

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ T.S
TỈNH BẮC NINH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2020/DS-ST

Ngày: 14/9/2020

“V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T.S, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Mạnh Hải, ông Nguyễn Văn An.

- Thư ký phiên toà: Bà Đàm Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T.S tham gia phiên toà: Bà Ngô Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2020/TLST- DS ngày 10 tháng 6 năm 2020 về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2020/QĐXXST- DS ngày 27 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng C.S.X.H; Địa chỉ: Số 169 L.Đ, phường H.L, quận H.M, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Trọng C – Giám đốc ngân hàng C.S.X.H thị xã T.S theo văn bản số 7300 ngày 09/9/2019 của Tổng giám đốc ngân hàng C.S.X.H.

Người được ủy quyền lại: Ông Vũ Trọng T – Phó Giám đốc ngân hàng C.S.X.H thị xã T.S theo văn bản số 70 ngày 13/4/2020 của Giám đốc Phòng giao dịch ngân hàng C.S.X.H thị xã T.S; Địa chỉ: Đường L.T.T, phường Đ.N, thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

Bị đơn: Hộ bà Phạm Thị X gồm bà Phạm Thị X, sinh năm 1959; ông Trần Khắc H, sinh năm 1957; Ông Trần Khắc Tr, sinh năm 1995; Bà Trần Thị T1, sinh năm 1987; Địa chỉ: Số 460 L.T.K, Khu phố Đ.H, phường C.K, thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, đại diện ngân hàng C.S.X.H trình bày: Vào ngày 10/7/2017 bà Phạm Thị X là người đại diện hộ gia đình ký giấy đề nghị vay vốn hỗ trợ việc làm, duy trì và mở rộng việc làm (Cho vay người lao động thông qua hộ gia đình), có xác nhận của UBND phường C. Và đã được ngân hàng phê duyệt ngày 17/7/2020 cho vay số tiền 40.000.000 đồng để sản xuất sắt thép. Thời hạn vay 24 tháng, trả gốc 06 tháng/kỳ, trả lãi hàng tháng. Lãi suất được quy định tại Quyết định số 457/QĐ-UBND ngày 17/7/2017 về việc phê duyệt cho vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm của Chủ tịch UBND thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh là 0,55%/tháng.

Ngày 17/7/2017 bà X là người trực tiếp nhận 40.000.000 đồng từ Phòng giao dịch ngân hàng C.S.X.H thị xã T.S. Ông Trần Khắc H là chồng bà X đã làm giấy ủy quyền cho bà X về việc vay vốn. Sau khi nhận tiền từ ngân hàng, bà X đã không thực hiện đúng việc trả nợ gốc, nợ lãi theo như thỏa thuận. Thời hạn trả nợ 16/7/2019. Ngân hàng đã nhiều lần gặp trực tiếp và gửi Thông báo về việc nợ quá hạn cho bà X, đôn đốc việc trả nợ nhưng bà X không thực hiện. Vì vậy, Ngân hàng đã khởi kiện đến Tòa án nhân dân thị xã T.S buộc hộ bà Phạm bà Phạm Thị X gồm bà Phạm Thị X, ông Trần Khắc H, ông Trần Khắc Tr, bà Trần Thị T1 phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày 19/5/2020 là 46.032.000 đồng, trong đó nợ gốc là 40.000.000 đồng và nợ lãi 6.032.000 đồng; cộng tiền lãi phát sinh đến thời điểm thanh toán hết nợ theo mức lãi suất quy định tại giấy đề nghị vay vốn hỗ trợ việc làm, duy trì và mở rộng việc làm (cho vay người lao động thông qua hộ gia đình) ngày 10/7/2017 (ngân hàng C.S.X.H phê duyệt ngày 17/7/2020) và quyết định số 457/QĐ-UBND thị xã T.S ngày 17/7/2017 về việc phê duyệt cho vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm.

Bị đơn là bà Phạm Thị X khẳng định chữ ký trong giấy đề nghị vay vốn đúng là chữ ký của bà. Bà xác nhận còn nợ ngân hàng 40.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi 6.032.000. Số tiền này bà vay để phát triển kinh tế gia đình. Gia đình của bà gồm có bà, chồng là Trần Khắc H, con trai Trần Khắc Tr, con gái Trần Thị T1, con gái Trần Thị Sang đã lấy chồng và cắt khâu. Hiện tại chị T1 không có nhà, anh Tr vẫn sống cùng với vợ chồng bà. Bà đồng ý trả nợ cho ngân hàng nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng. Bà xác định tự chịu trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng thay cho cả nhà. Khi vay tiền, chồng bà là H có ký giấy ủy quyền cho bà để bà vay tiền ngân hàng. Bà là chủ hộ gia đình nên tự chịu trách nhiệm thay cho mọi người trong gia đình. Việc vay tiền ngân hàng là do vợ chồng bà vay, không liên quan đến anh

Tr, chị T1. Bà đã nhận được Thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án 2 lần nhưng bà không đến Tòa án làm việc, bà đề nghị giải quyết vắng mặt bà. Bà đã nhận được Thông báo kết quả phiên họp và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, bà đề nghị xử vắng mặt. Bà nhận thay ông H, chị T1, anh Tr các văn bản tố tụng mà Tòa án giao và giao lại cho họ.

Ông Trần Khắc H trình bày đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc. Ông đã ký giấy ủy quyền cho bà X vay tiền ngân hàng. Con trai, con gái ở cùng nhà, có tên trong sổ hộ khẩu nhưng không liên quan đến việc vay tiền ngân hàng. Con gái là T1 hiện tại không có nhà, không liên quan đến việc giải quyết vụ án. Việc vay tiền và giải quyết do bà X quyết định. Ông không đến Tòa án làm việc và xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Anh Trần Khắc Tr đã được tổng đạt hợp lệ nhưng không có văn bản ghi ý kiến gửi đến Tòa án.

Chị Trần Thị T1 không có nhà, không ai biết địa chỉ của chị T1 ở đâu nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải vụ án theo đúng quy định của pháp luật nhưng bị đơn không đến nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, nguyên đơn xác nhận bà X đã trả cho Ngân hàng 2.000.000 đồng trừ vào nợ gốc và thay đổi yêu cầu khởi kiện, do chị T1 không có mặt ở nhà, ông H đã ủy quyền cho bà X làm thủ tục vay vốn, cả ông H và bà X đều xác định việc vay tiền là của ông H, bà X không liên quan đến chị T1, anh Tr nên Ngân hàng C.S.X. Yêu cầu hộ bà X gồm ông H, bà X phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày 14/9/2020 là 45.128.447 đồng, trong đó nợ gốc là 38.000.000 đồng và nợ lãi 7.128.447 đồng; cộng tiền lãi phát sinh đến thời điểm thanh toán hết nợ theo mức lãi suất quy định tại giấy đề nghị vay vốn hỗ trợ việc làm, duy trì và mở rộng việc làm (cho vay người lao động thông qua hộ gia đình) ngày 10/7/2017 (ngân hàng C.S.X.H phê duyệt ngày 17/7/2020) và quyết định số 457/QĐ-UBND thị xã T.S ngày 17/7/2017 về việc phê duyệt cho vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm. Ngân hàng không yêu cầu anh Tr, chị T1 phải có trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T.S phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn trong vụ án kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự, thủ tục quy

định của pháp luật. Bị đơn đã được tổng đạt, niêm yết công khai hợp lệ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt họ.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C.S.X.H đối với hộ bà Phạm Thị X gồm bà Phạm Thị X, ông Trần Khắc H về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc hộ Phạm Thị X gồm bà Phạm Thị X, ông Trần Khắc H phải trả cho Ngân hàng C.S.X.H số tiền nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày 14/9/2020 là 45.128.447 đồng, trong đó nợ gốc là 38.000.000 đồng và nợ lãi 7.128.447 đồng; cộng tiền lãi phát sinh đến thời điểm thanh toán hết nợ theo mức lãi suất quy định tại giấy đề nghị vay vốn hỗ trợ việc làm, duy trì và mở rộng việc làm (cho vay người lao động thông qua hộ gia đình) ngày 10/7/2017 (ngân hàng C.S.X.H phê duyệt ngày 17/7/2020) và quyết định số 457/QĐ-UBND thị xã T.S ngày 17/7/2017 về việc phê duyệt cho vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm.

Về án phí: Hộ bà X gồm bà X, ông H phải chịu án phí nhưng theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326, bà X, ông H là người cao tuổi nên được miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các T1 liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng C.S.X.H khởi kiện yêu cầu tòa án buộc hộ bà X gồm bà X, ông H phải trả số tiền gốc, lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên. Hộ bà X gồm bà X ông H không có đăng ký kinh doanh, mục đích vay tiền để sản xuất sắt thép theo chính sách hỗ trợ việc làm cho hộ nghèo, cận nghèo nên đây là vụ án dân sự, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Bị đơn cư trú tại khu phố Đ.H, phường C.K, thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

Về thời hiệu khởi kiện: Đây là vụ án về tranh chấp hợp đồng tín dụng. Hai bên đương sự giao kết hợp đồng vào ngày 17/7/2017. Thời hạn thanh toán của hợp đồng là 24 tháng tính từ ngày ký hợp đồng, đến ngày 16/7/2019. Bà X ông H không trả tiền cho Ngân hàng theo như thỏa thuận. Ngân hàng yêu cầu nhiều lần nhưng bà X, ông H không trả nên đã khởi kiện ra Tòa án nhân dân thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh. Căn cứ vào Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 429 Bộ luật dân sự 2015 thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

Tòa án nhân dân thị xã T.S đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ cho các đương sự trong vụ án. Tại phiên tòa ngày 17/8/2020, bị đơn vắng mặt lần thứ nhất, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Theo Quyết định hoãn phiên tòa số 06 của Hội đồng xét xử và thông báo thay đổi ngày xét xử, phiên tòa được mở lại vào hồi 08 giờ ngày 14/9/2020, bị đơn vắng mặt lần thứ hai, bà X ông H xin xử vắng mặt, căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Các bên tham gia hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự và tự nguyện giao kết hợp đồng, nội dung và mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Việc ký hợp đồng tín dụng được thực hiện đúng theo trình tự pháp luật về tín dụng ngân hàng nên hợp đồng này có hiệu lực pháp luật. Bà X đã nhận đầy đủ tiền theo giấy đề nghị vay vốn nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận nên Ngân hàng C.S.X. đã khởi kiện ra Tòa án buộc hộ bà X gồm bà X ông H phải trả tiền cho Ngân hàng theo hợp đồng đã ký. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chính đáng và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Bà X đã nhận đủ số tiền 40.000.000 đồng nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi theo như thỏa thuận. Bà X xác nhận số nợ gốc, nợ lãi theo như đơn khởi kiện của ngân hàng là đúng. Ông H khẳng định việc vay tiền là do ông và bà X, không liên quan đến các con, mọi việc trả nợ do bà X quyết định. Như vậy, có đủ căn cứ xác định số nợ gốc, nợ lãi theo như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng.

Bà X, ông H xác định đây là nợ chung của vợ chồng, không liên quan đến hai con là chị T1 và anh Tr. Ông H đã ủy quyền cho bà X vay tiền ngân hàng. Bà X tự nhận chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ cho ngân hàng, mỗi tháng trả 1.000.000 đồng. Chị T1 không có nhà, anh Tr đã được tổng đạt hợp lệ nhưng không

có ý kiến. Mục đích vay tiền để sản xuất sắt thép trong thời gian bà X, ông H chung sống nên nghĩa vụ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân cả hai đều phải có trách nhiệm. Vì vậy, có đủ căn cứ để khẳng định khoản nợ này là nợ chung của bà X ông H nên cả hai cùng có trách nhiệm trả nợ. Tại đơn khởi kiện, ngân hàng chính sách yêu cầu hộ bà X gồm bà X, ông H, anh Tr, chị T1 phải trả tiền đã vay cho ngân hàng nhưng tại phiên tòa, đại diện ngân hàng đã thay đổi yêu cầu buộc hộ bà X gồm bà X, ông H phải trả tiền cho ngân hàng, không yêu cầu anh Tr, chị T1 phải trả tiền cho Ngân hàng. Xét thấy việc thay đổi này là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Buộc hộ bà X gồm bà X, ông H phải trả cho ngân hàng C.S.X.H Ngân hàng C.S.X.H số tiền nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày 14/9/2020 là 45.128.447 đồng, trong đó nợ gốc là 38.000.000 đồng và nợ lãi 7.128.447 đồng; cộng tiền lãi phát sinh đến thời điểm thanh toán hết nợ theo mức lãi suất quy định tại giấy đề nghị vay vốn hỗ trợ việc làm, duy trì và mở rộng việc làm (cho vay người lao động thông qua hộ gia đình) ngày 10/7/2017 (ngân hàng C.S.X.H phê duyệt ngày 17/7/2020) và quyết định số 457/QĐ-UBND thị xã T.S ngày 17/7/2017 về việc phê duyệt cho vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm.

Đối với anh Trần Khắc Tr, chị Trần Thị T1 có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của ngân hàng chính sách được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Bị đơn là hộ bà X gồm bà X, ông H phải chịu án phí nhưng theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326, bà X, ông H là người cao tuổi nên được miễn án phí..

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C.S.X.H đối với hộ bà Phạm Thị X gồm bà Phạm Thị X, ông Trần Khắc H về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc hộ bà Phạm Thị X gồm bà Phạm Thị X, ông Trần Khắc H phải trả cho Ngân hàng C.S.X.H số tiền nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày 14/9/2020 là 45.128.447 đồng, trong đó nợ gốc là 38.000.000 đồng và nợ lãi 7.128.447 đồng; cộng tiền lãi phát sinh đến thời điểm thanh toán hết nợ theo mức lãi suất quy định

tại giấy đề nghị vay vốn hỗ trợ việc làm, duy trì và mở rộng việc làm (cho vay người lao động thông qua hộ gia đình) ngày 10/7/2017 (ngân hàng C.S.X.H phê duyệt ngày 17/7/2020) và quyết định số 457/QĐ-UBND thị xã T.S ngày 17/7/2017 về việc phê duyệt cho vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm.

Án phí: Hộ bà X gồm bà X, ông H được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã T.S;
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- Cơ quan THADS thị xã T.S;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Hồng Thanh